

Bản án số: 41/2023/HSST
Ngày: 16 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

2. Bà Ngô Thị Ân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Vũ Minh Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2023/HSST ngày 19 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số: 01/TB-TA, ngày 07/6/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Văn S; sinh ngày 03/09/1994; tại: xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Tiến D và bà Trần Thị H; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 12/3/2023 đến ngày 21/3/2023 sau đó chuyển tạm giam từ ngày 21/3/2023 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Bùi Văn Đ; sinh ngày 28/6/1996; tại: xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Đức H và bà Bùi Thị Thanh X; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 12/3/2023 đến ngày 21/3/2023 sau đó chuyển tạm giam từ ngày 21/3/2023 cho đến ngày 27/4/2023; Bị áp dụng biện pháp Bảo lãnh từ ngày 28/4/2023 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Phạm Văn C; sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên chiều tối ngày 11/3/2023, S gặp Đ và rủ Đ đi trộm cắp tài sản là các tấm kim loại có khối lượng lớn của các hộ dân sơ hở trong quản lý bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, nghe S rủ như vậy, Đ chưa đồng ý nhưng cũng không từ chối. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 12/3/2023 S gọi điện thoại cho Đ thì biết Đ đang ở nhà nên S đã đi bộ xuống nhà của Đ. S gọi Đ dậy và tiếp tục rủ Đ đi trộm cắp tài sản cùng mình, lúc này Đ đồng ý. S tự lấy xe lôi tự chế của gia đình Đ để ở sân và buộc vào phía sau xe mô tô BKS: 36L6-101.79 nhãn hiệu HONDA WAVE RSX (Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Bùi Thị Thanh X sinh năm 1954, trú tại thôn Q, xã V, huyện V là mẹ đẻ của Đ) làm phương tiện di chuyển và vận chuyển tài sản nếu trộm cắp được. Sau đó Đ là người điều khiển xe mô tô còn S ngồi phía sau chỉ đường, Đ điều khiển xe mô tô đi dọc qua xã V, huyện V rồi qua khu vực các xã T, xã T của huyện T để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến gia đình anh Phạm Văn C, Đ và S thấy tại khoảng sân gần cổng phụ nhà anh C không có cửa, không có người trông coi, đang để cột pha kim loại nên đã dừng lại. Đ và S đã cùng nhau bê 13 tấm cột pha có chiều dài mỗi tấm là 4m, trong đó 5 tấm rộng (29x5) cm và 8 tấm rộng (22x5) cm, tổng khối lượng 367 kg đưa lên thùng xe lôi. Sau đó Đ điều khiển xe mô tô, S ngồi phía sau chở 13 tấm cột pha vừa trộm cắp được về khu vực xã C, huyện C để tìm chỗ tiêu thụ, khi cả hai đang đi dọc đường thì bị Tổ tuần tra của Công an huyện C phát hiện lập biên bản sự việc, thu giữ toàn bộ các tấm cột pha nói trên cùng xe ô tô và xe lôi của Đ và S. Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Thủy đã xác minh vụ việc, sau đó chuyển nguồn tin tội phạm cho Cơ quan điều tra Công an huyện T giải quyết theo thẩm quyền. Biết hành vi phạm tội của mình không thể trốn tránh nên ngày 12/3/2023 Bùi Văn Đ và Phạm Văn S đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Người bị hại Phạm Văn C khai: Do anh đang làm nhà nên có mượn một số cột pha để đỡ cột. Số cột pha trên, anh để phía trước cổng nhà. Sáng ngày 12/3/2023, khi thức dậy thì anh phát hiện gia đình mình bị mất 13 tấm cột pha nên đã báo cáo sự việc với chính quyền địa phương. Lúc đó anh không biết ai là người trộm cắp tài sản của anh, đến nay anh đã biết người trộm cắp tài sản của anh là bị cáo S và bị cáo Đ. Hiện tại anh đã nhận lại được tài sản nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm và anh cũng đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 17/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thạch Thành kết luận: 13 tấm cột pha kim loại, cũ đã qua sử dụng, tổng khối lượng 367kg, trong đó có 5 tấm kích thước dài 4 m, rộng 29 cm, dày 5cm và 8 tấm dài 4 m, rộng 22cm, dày 5 cm, mua năm 2020 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 3.120.000 đồng.

Các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì về kết quả định giá.

Tại bản cáo trạng số 44/CT-VKSTT, ngày 19/5/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Phạm Văn S và Bùi Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự (Sau đây được viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS để xử phạt Phạm Văn S từ 07 đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do ngay tại phiên tòa cho Phạm Văn S.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS để xử phạt Bùi Văn Đ từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra, đại diện Viện kiểm sát không đề cập xử lý.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tranh luận tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin HĐXX cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội cải tạo, sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Phạm Văn S và Bùi Văn Đ đã có hành vi trộm cắp tài sản của anh Phạm Văn Cảnh trị giá là 3.120.000 đồng nên có đủ cơ sở xác định hành vi của các bị cáo đã phạm vào khoản 1 Điều 173 BLHS. Cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về trách nhiệm hình sự: Đây là vụ án hình sự trộm cắp tài sản có tính chất ít nghiêm trọng do Phạm Văn S và Bùi Văn Đ thực hiện. Trong vụ án này các bị cáo đồng phạm giản đơn, Phạm Văn S là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo Bùi Văn Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng mình nên S giữ vai trò thứ nhất, Đ giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; cùng được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ là “phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “đầu thú” và “người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt” quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; mẹ bị cáo Đ tham gia dân công hỏa tuyến trong kháng chiến, bố bị cáo tham gia làm nhiệm vụ quốc

tế có chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 54 BLHS.

[5]. Về tính chất của vụ án: Bản thân các bị cáo là người có sức khỏe và đang trong độ tuổi lao động nhưng không chịu khó làm ăn, kiếm sống một cách lương thiện, chỉ vì ham chơi bời và thích thụ hưởng những vật chất mà không phải do bản thân mình tự tạo ra, để có tiền chi tiêu cho bản thân mà các bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Tuy nhiên, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, giá trị tài sản trộm cắp không lớn. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại điều 65 Bộ luật Hình sự và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6]. Kết quả điều tra, xác minh các bị cáo hiện tại không có tài sản và thu nhập nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave RSX, màu trắng - đen, biển kiểm soát 36L6-101.79 và xe lô tự chế bằng kim loại cao 1,4 m, dài 3,4 m, rộng 1,1 m là tài sản hợp pháp của bà Bùi Thị Thanh X, khi Đ và S lấy các xe trên đi trộm cắp tài sản bà X không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô và xe lô trên cho bà X là phù hợp với quy định pháp luật; 13 tấm cốp pha là tài sản của anh Phạm Văn C, cơ quan Điều tra đã xử lý trả lại cho anh C là đúng quy định của pháp luật.

[8]. Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

[9]. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn S và Bùi Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS, xử phạt Phạm Văn S 08 (Tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả tự do ngay tại phiên tòa cho Phạm Văn S.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS, xử phạt Bùi Văn Đ 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Phạm Văn S và Bùi Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thanh hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68, Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải

chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 điều 6, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/Phạm Văn S và Bùi Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, vắng mặt người bị hại. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT công an huyện Thạch Thành;
- Cơ quan THAHS công an huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Cúc